

Bản án số: 205/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 3 – 2021

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang
2. Bà Lê Thị Sao

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 25/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 724/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị Ngọc Y, sinh năm 197; Địa chỉ: Tân Kỳ Tân Quý, phường Tân Q, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm 196; Địa chỉ: Tân Kỳ Tân Quý, phường Tân Q, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa: nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú, nguyên đơn bà Hà Thị Ngọc Y trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Trần Văn Đ tự nguyện chung sống từ năm 1995, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân phường 16, quận Tân Bình nay là phường Tân Q, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22/1995, quyển số 08/P16 ngày 22/03/1995

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau. Cả hai đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, vợ chồng không còn ở chung. Nay bà không còn niềm tin vào ông Đ, tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về quan hệ con chung: Có hai con chung tên Trần Đức H, sinh ngày 17/11/1999 và Trần Thị Yên N, sinh ngày 01/12/1999. Các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn Đ trình bày:

Ông xác nhận lời trình bày của bà Y về quá trình kết hôn và chung sống là đúng.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Vợ chồng sống hai mươi năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường xuyên cãi nhau. Khi cãi nhau trong lúc nóng giận ông có đánh và xúc phạm bà Y. Vợ chồng sống ly thân gần 08 tháng, mỗi người ở một nơi. Nay bà Y yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì ông còn thương vợ con, mong muốn gia đình đoàn tụ.

Về quan hệ con chung: Có hai con chung tên Trần Đức H, sinh ngày 17/11/1999 và Trần Thị Yên N, sinh ngày 01/12/1999. Các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên toà hôm nay:

- Bà Y vẫn giữ yêu cầu khởi kiện
- Ông Đ vẫn giữ nguyên ý kiến và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật : Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được qui định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Bà Y được ly hôn với ông Đ. Con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không giải quyết. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án

- Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 22/1995, quyển số 08/P16 ngày 22/03/1995 tại Ủy ban nhân dân phường 16 quận Tân Bình nay là phường Tân Q quận Tân Phú, Thành phố Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông Đ là quan hệ

hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông Đ cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà Y yêu cầu ly hôn, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn*: Ngày 10/11/2020, ông Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đ.

[3] *Về yêu cầu của các đương sự*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Y yêu cầu ly hôn. Ông Đ không đồng ý ly hôn. Đây là vấn đề tranh chấp cần xem xét.

Xét, bà Y và ông Đ cùng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, không tin tưởng nhau. Ông Đ xác nhận khi nóng giận ông có đánh và xúc phạm bà Y. Bà Y yêu cầu ly hôn, ông Đ không đồng ý nhưng không đưa ra giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng mặc dù cả hai đã không sống chung. Tại phiên tòa, bà Y xác nhận không còn tình cảm với ông Đ, không muốn tiếp tục chung sống với ông Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, mục đích hôn nhân là “vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc”, trong trường hợp này giữa bà Y và ông Đ đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Y.

- *Về quan hệ con chung*: Hai bên xác nhận có hai con chung tên Trần Đức H, sinh ngày 17/11/199 và Trần Thị Yến N, sinh ngày 01/12/1999. Các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Bà Y và ông Đ cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung*: Bà Y và ông Đ xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Y đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0070919 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà Y đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình

năm 2014; Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Ngọc Y

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Ngọc Y được ly hôn với ông Trần Văn Đ

Giấy chứng nhận kết hôn số 22/1995, quyển số 08/P16 ngày 22/3/1995 do Ủy ban nhân dân phường 16, quận Tân Bình nay là phường Tân Q, quận Tân Phú, Thành phố Chí Minh cấp cho bà Y và ông Đ hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực.

- Về quan hệ con chung: Do hai con chung tên Trần Đức H, sinh ngày 17/11/199 và Trần Thị Yến N, sinh ngày 01/12/199 đã trưởng thành, phát triển bình thường nên Tòa án không giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Hai bên xác nhận không có.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2. Về án phí:

Bà Y chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Y đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0070919 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Y đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo.

Bà Hà Thị Ngọc Y được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân phường Tân Q, Quận Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ (Duy) ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Thị Thanh Mai

